

Bản án số: 98/2018/HS-PT
Ngày: 02 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà

Ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Sang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị Kim C do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Kim C, sinh năm 1983 tại huyện AP, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp VL, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ph, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; chồng là ông Kiều Thanh H, sinh năm 1985; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất ngày 28/02/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án, người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/01/2003 đến tháng 7/2017, Lê Thị Kim C được phân công nhiệm vụ làm kế toán Trường Mẫu giáo VL. Nhiệm vụ lập bảng lương, lập dự toán thu chi ngân sách hàng năm, kê khai tài sản thu nhập cá nhân, báo tài chính, quyết toán và báo cáo kinh phí theo quy định và thực hiện một số công việc đột xuất khác theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường như: Lập và quản lý sổ bảo hiểm, trích thu tiền bảo hiểm của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường và dự toán phần

bảo hiểm ngân sách Nhà nước hỗ trợ để đóng cho cơ quan bảo hiểm. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2014, Lê Thị Kim C đã trích thu tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện hàng tháng của cá nhân cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường Mẫu giáo VL với tổng số tiền 86.542.133 đồng, nhưng chỉ nộp 7.372.042 đồng cho Bảo hiểm xã hội huyện An Phú, còn lại 79.170.091 đồng C giữ lại để chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Để có tiền trả cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện số tiền 79.170.091 đồng mà C đã chiếm đoạt, C đã nâng khống phần tiền bảo hiểm do Nhà nước hỗ trợ bằng cách lập 11 giấy đề nghị rút dự toán ngân sách đưa đến Kho bạc Nhà nước huyện để chuyển số tiền 288.060.218 đồng vào tài khoản cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện. Nhưng thực tế ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường Mẫu giáo VL từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2014 chỉ có 187.893.368 đồng và C nâng khống 100.166.850 đồng tiền ngân sách Nhà nước để trừ vào số tiền mà C đã chiếm đoạt của cá nhân 79.170.091 đồng. Cụ thể như sau:

Tháng 01 và 02/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 52.031.678 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Nhưng theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 01 và 02/2013 là 20.577.766 đồng, C đã nâng khống thêm 31.453.912 đồng.

Tháng 3/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 52.031.678 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Nhưng theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 3/2013 là 10.332.983 đồng, C đã nâng khống thêm 41.698.695 đồng.

Tháng 4/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 50.099.358 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Nhưng theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 4/2013 là 9.199.128 đồng, C đã nâng khống thêm 40.900.230 đồng.

Tháng 5/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 40.437.758 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Nhưng theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 5/2013 là 9.211.674 đồng, C đã nâng khống thêm 31.226.084 đồng.

Tháng 6 và 7/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 11.935.169 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 6 và 7/2013 là 18.434.484 đồng, C đã chuyển thiếu 6.499.315 đồng, do các lần trước đã chuyển dư.

Tháng 8/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 10.950.734 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Nhưng theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 8/2013 là 9.284.704 đồng, C đã nâng khống thêm 1.666.030 đồng.

Tháng 9/2013 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 13.000.553 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Nhưng theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 9/2013 là 8.491.698 đồng, C đã nâng khống thêm 4.508.855 đồng.

Tháng 10, 11 và 12/2013 C không làm thủ tục chuyển số tiền 28.435.856 đồng từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân cho cơ quan Bảo hiểm do trước đó đã chuyển dư.

Tháng 01 và 02/2014 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 17.459.216 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 01 và 02/2014 là 22.001.234 đồng, C đã chuyển thiếu 4.542.018 đồng, do các lần trước đã chuyển dư.

Tháng 3/2014 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 10.710.080 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 3/2014 là 11.181.765 đồng, C đã chuyển thiếu 471.685 đồng, do các lần trước đã chuyển dư.

Tháng 4/2014 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 14.701.997 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 4/2014 là 11.181.765 đồng, C đã nâng không thêm 3.520.232 đồng

Tháng 5/2014 rút dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 14.701.997 đồng chuyển cho cơ quan Bảo hiểm. Theo quy định thì phần tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân trong tháng 5/2014 là 11.305.001 đồng, C đã nâng không thêm 3.396.996 đồng.

Tháng 6/2014, C không làm thủ tục chuyển số tiền 11.305.001 đồng từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ cá nhân cho cơ quan Bảo hiểm do trước đó đã chuyển dư.

Trong quá trình điều tra bị cáo khai phù hợp với số tiền đối chiếu trên, đồng thời thừa nhận đã kê không số 100.166.850 đồng tiền ngân sách Nhà nước để trừ vào số tiền mà C đã chiếm đoạt của cá nhân 79.170.091 đồng.

Bản cáo trạng số 01/VKS-HS.TA ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Lê Thị Kim C về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim C phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2; khoản 5 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Kim C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/4/2018, bị cáo Lê Thị Kim C có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị Kim C thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu và xử phạt bị cáo 02 năm về tội “Tham ô tài sản” là đúng người, đúng tội, không bị oan. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức án này là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo vì trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối hận, tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo mới phạm tội lần đầu; hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ; gia đình có truyền thống cách mạng; có công hiến nhiều năm cho ngành giáo dục địa phương; phạm tội là do thiếu suy nghĩ trong lúc mang thai và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội danh này là có căn cứ. Tuy nhiên, do số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa đến 100.000.000 đồng nên đối chiếu với Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì không áp dụng tình tiết định khung theo điểm d khoản 2 Điều 278 mà chỉ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngoài ra, bị cáo xuất thân từ gia đình có công cách mạng cũng như bị cáo phạm tội trong thời gian đang mang thai nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo là có thiếu sót nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và có thể xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Lê Thị Kim C nộp đơn kháng cáo ngày 06/4/2018. Xét thấy, bị cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Việc áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành). Đồng thời, quy định tại Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có lợi hơn cho bị cáo so với quy tại Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với các vấn đề khác của vụ án, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Kim C tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm,

phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2014, với vai trò là kế toán Trường Mẫu giáo VL có nhiệm vụ lập và quản lý sổ bảo hiểm, trích thu tiền bảo hiểm của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường và dự toán phần bảo hiểm ngân sách Nhà nước hỗ trợ để đóng cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện An Phú, bị cáo Lê Thị Kim C đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 79.170.091 đồng trong tổng số 86.542.133 đồng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện hàng tháng của cá nhân cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường Mẫu giáo VL đã nộp cho bị cáo. Sau đó, để có tiền trả lại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện An Phú, bị cáo tiếp tục có hành vi nâng khống phần tiền bảo hiểm do Nhà nước hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường Mẫu giáo VL bằng cách lập 11 giấy đề nghị rút dự toán ngân sách rồi đưa đến Kho bạc Nhà nước huyện An Phú để chuyển số tiền 288.060.218 đồng vào tài khoản cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện An Phú. Nhưng thực tế ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ 187.893.368 đồng và bị cáo nâng khống 100.166.850 đồng.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo Lê Thị Kim C đã phạm vào tội “Tham ô tài sản”. Do vậy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này theo điểm c, d khoản 2 và khoản 5 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, do số tiền bị cáo chiếm đoạt là 79.170.091 đồng (chưa đến 100.000.000 đồng) nên đối chiếu với Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và không áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 mà chỉ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm, gây ra tác hại nhiều mặt, cản trở sự phát triển của xã hội, thậm chí dẫn đến sự sụp đổ của cả một thể chế. Vì vậy, Đảng và Nhà nước luôn coi tham nhũng là một trong những nguy cơ làm suy yếu chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu đấu tranh để loại trừ ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, mọi hành vi liên quan đến tham nhũng sẽ bị xử lý kịp thời, nghiêm minh bằng pháp luật.

Bản thân bị cáo là một viên chức Nhà nước và công tác trong ngành giáo dục. Lẽ ra, bị cáo phải là người đi đầu trong việc chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và chính quyền địa phương để làm tấm gương tốt cho mọi người noi theo. Không làm được điều này, với bản tính tham lam, tư lợi, bị cáo đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt số tiền bảo hiểm do cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường Mẫu giáo VL nộp cho bị cáo để bị cáo quản lý trước khi nộp lại cho Bảo hiểm xã hội huyện An Phú. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt

động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, trực tiếp làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta và gây dư luận xấu trong xã hội. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải có một mức án nghiêm mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quy định mới có lợi cho bị cáo của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Thị Kim C 02 năm tù về tội “Tham ô tài sản” (mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và ở đầu khung hình phạt của khoản 1 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ như: “Bị cáo phạm tội trong thời gian đang mang thai” (mang thai con ruột Kiều Lê Ngọc H, sinh ngày 02/4/2014) và “bị cáo xuất thân từ gia đình có công cách mạng” (ông nội bị cáo là Liệt sĩ trong kháng chiến chống Mỹ, bà nội và ông bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì, mẹ ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất) là có thiếu sót. Mặc dù mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt là không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng do bị cáo có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ nêu trên cũng như đã tích cực khắc phục hậu quả ngay sau khi bị thanh tra nên cần chiếu cố giảm nhẹ thêm hình phạt đối với bị cáo vẫn đủ tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Kim C không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Kim C.

Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Kim C 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lê Thị Kim C đảm nhiệm công việc liên quan đến công tác kế toán, tài chính trong thời hạn 03 (ba) năm sau khi chấp hành xong hình phạt.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Thị Kim C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKS-ND tỉnh An Giang;
- VKS-ND huyện An Phú;
- TAND huyện An Phú;
- Công an huyện An Phú;
- Chi cục THA.DS huyện An Phú;
- Bị cáo;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án hình sự;
- Tòa Hình sự;
- PV 27;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh